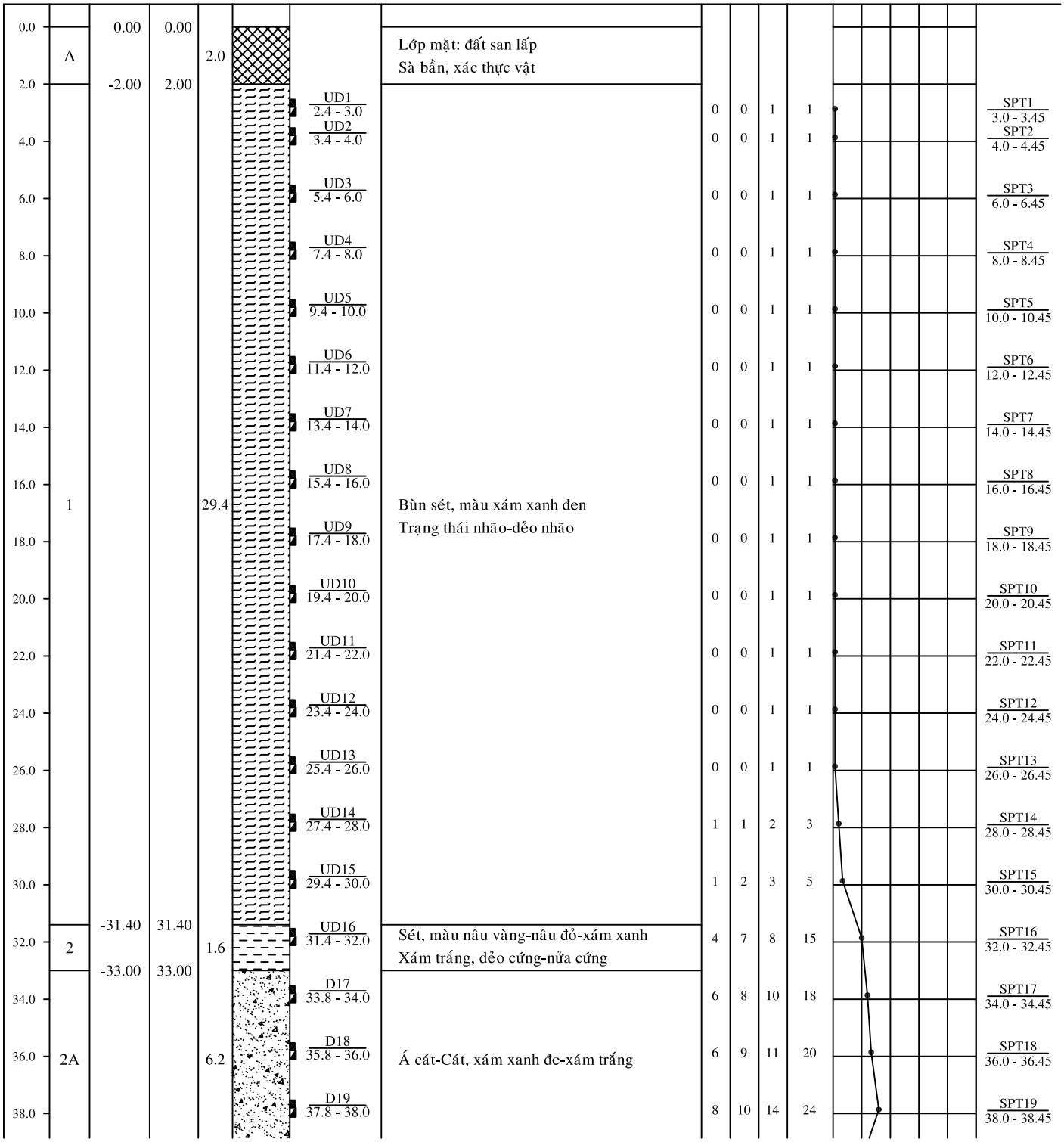
0.0
2.0
4.0
6.0
8.0
10.0
12.0
14.0
16.0
18.0
20.0
22.0
24.0
26.0
28.0
30.0
32.0
34.0
36.0
38.0
A
1
2
2A
0.00
-2.00
-31.40
-33.00
0.00
2.00
31.40
33.00
2.0
29.4
1.6
6.2
UD1 2.4 - 3.0
UD2 3.4 - 4.0
UD3 5.4 - 6.0
UD4 7.4 - 8.0
UD5 9.4 - 10.0
UD6 11.4 - 12.0
UD7 13.4 - 14.0
UD8 15.4 - 16.0
UD9 17.4 - 18.0
UD10 19.4 - 20.0
UD11 21.4 - 22.0
UD12 23.4 - 24.0
UD13 25.4 - 26.0
UD14 27.4 - 28.0
UD15 29.4 - 30.0
UD16 31.4 - 32.0
D17 33.8 - 34.0
D18 35.8 - 36.0
D19 37.8 - 38.0
Lớp mặt: đất san lấp
Sà bần, xác thực vật
Bùn sét, màu xám xanh đen
Trạng thái nhão-dẻo nhão
Sét, màu nâu vàng-nâu đỏ-xám xanh
Xám trắng, dẻo cứng-nửa cứng
Á cát-Cát, xám xanh đe-xám trắng
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
0 0 1 1
1 1 2 3
1 2 3 5
4 7 8 15
6 8 10 18
6 9 11 20
8 10 14 24
SPT1 3.0 - 3.45
SPT2 4.0 - 4.45
SPT3 6.0 - 6.45
SPT4 8.0 - 8.45
SPT5 10.0 - 10.45
SPT6 12.0 - 12.45
SPT7 14.0 - 14.45
SPT8 16.0 - 16.45
SPT9 18.0 - 18.45
SPT10 20.0 - 20.45
SPT11 22.0 - 22.45
SPT12 24.0 - 24.45
SPT13 26.0 - 26.45
SPT14 28.0 - 28.45
SPT15 30.0 - 30.45
SPT16 32.0 - 32.45
SPT17 34.0 - 34.45
SPT18 36.0 - 36.45
SPT19 38.0 - 38.45